

Số: 172/PPC-KHKD

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 08 năm 2016

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
6 tháng đầu năm 2016 đã kiểm toán

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
2. Mã chứng khoán : PBP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu
4. Điện thoại: (84) - 7813 957 555 Fax: (84) - 7813 957 666
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quốc Bảo

Địa chỉ: Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 7813 957 555

Fax: (84) - 7813 957 666

6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 đã kiểm toán (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/08/2016 tại đường dẫn: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



*Lê Quốc Bảo*



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lê Quốc Dũng**  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2016, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

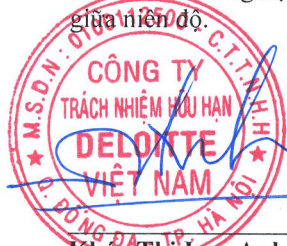
### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



**Khúc Thị Lan Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 08 tháng 8 năm 2016*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.584.522.926</b>	<b>33.125.389.469</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.711.573.390</b>	<b>6.874.069.945</b>
1. Tiền	111		10.711.573.390	6.874.069.945
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.128.154.090</b>	<b>16.582.574.279</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.103.293.311	16.582.574.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		749.239.079	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.275.621.700	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>9.908.399.933</b>	<b>8.974.436.317</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.908.399.933	8.974.436.317
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>836.395.513</b>	<b>694.308.928</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		836.395.513	653.327.050
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	40.981.878
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.664.445.900</b>	<b>52.292.774.017</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.916.450.270</b>	<b>52.096.338.593</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	48.916.450.270	52.096.338.593
- Nguyên giá	222		76.017.470.418	76.017.470.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.101.020.148)	(23.921.131.825)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>527.215.045</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		527.215.045	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>217.780.585</b>	<b>193.435.424</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		217.780.585	193.435.424
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>89.248.968.826</b>	<b>85.418.163.486</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MÃ SỐ B 01a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38.573.226.584</b>	<b>38.162.930.224</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.369.404.344</b>	<b>15.783.107.984</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4.621.019.592	1.930.566.503
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	305.360.672	558.391.957
4. Phải trả người lao động	314		5.058.982.768	3.003.023.545
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		176.694.025	285.199.362
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	313.993.793	232.185.963
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	8.352.000.000	8.352.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.526.353.494	1.421.740.654
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.203.822.240</b>	<b>22.379.822.240</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	10	18.203.822.240	22.379.822.240
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.675.742.242</b>	<b>47.255.233.262</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>50.675.742.242</b>	<b>47.255.233.262</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.812.490.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.775.243.318	2.433.155.732
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.088.008.924	12.172.077.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.117.670.469	3.224.826.955
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.970.338.455	8.947.250.575
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>89.248.968.826</b>	<b>85.418.163.486</b>

Nguyễn Đình Lịch  
 Người lập biểu

Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng

Lê Quốc Dũng  
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	73.294.107.550	78.573.407.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		73.294.107.550	78.573.407.040
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	60.348.989.141	64.837.160.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		12.945.118.409	13.736.246.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.834.293	101.136.701
7. Chi phí tài chính	22		1.373.701.540	1.537.635.693
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.373.488.290	1.537.635.693
8. Chi phí bán hàng	25	18	1.427.956.154	1.082.182.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	4.634.696.725	3.735.693.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		5.522.598.283	7.481.871.651
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		5.522.598.283	7.481.871.651
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	552.259.828	748.187.165
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.970.338.455	6.733.684.486
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	974	1.402

Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Dũng  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

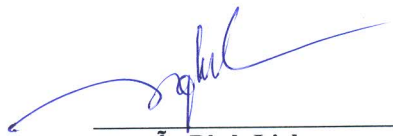
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.522.598.283	7.481.871.651
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.179.888.323	3.087.711.186
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(96.250)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.524.793)	(93.271.501)
Chi phí lãi vay	06	1.373.488.290	1.537.635.693
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.062.353.853	12.013.947.029
(Tăng) các khoản phải thu	09	(1.545.270.311)	(20.201.206.268)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(933.963.616)	3.888.150.855
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.966.051.399	821.199.643
(Tăng) chi phí trả trước	12	(207.413.624)	(501.982.162)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.397.747.642)	(1.549.562.093)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(442.043.728)	(138.558.047)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.445.216.635)	(590.394.364)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.056.749.696</b>	<b>(6.258.405.407)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.056.771.044)	(3.290.577.409)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.524.793	93.271.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.043.246.251)</b>	<b>(3.197.305.908)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.717.939.833	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(28.893.939.833)	(2.126.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.197.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.176.000.000)</b>	<b>(5.323.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.837.503.445</b>	<b>(14.779.511.315)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.874.069.945	17.586.592.863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	10.711.573.390	2.807.081.548

  
 Nguyễn Đình Lịch  
 Người lập biểu

  
 Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Quốc Dũng  
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 191 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 185 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	857.685	70.414.415
Tiền gửi ngân hàng	10.710.715.705	6.803.655.530
	<u>10.711.573.390</u>	<u>6.874.069.945</u>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	12.848.911.861	16.140.949.029
Các khách hàng khác	2.254.381.450	441.625.250
	<u>15.103.293.311</u>	<u>16.582.574.279</u>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)</b>	<u>12.848.911.861</u>	<u>16.140.949.029</u>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ký quỹ ngắn hạn	2.267.621.700	-
Tạm ứng	8.000.000	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	<u>2.278.621.700</u>	<u>3.000.000</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.416.311.887	-	3.717.812.326	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.490.905.425	-	1.207.200.708	-
Thành phẩm	3.001.182.621	-	4.049.423.283	-
	<u>9.908.399.933</u>	<u>-</u>	<u>8.974.436.317</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	35.931.240.697	34.807.527.314	5.155.915.135	122.787.272	76.017.470.418
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2016	35.931.240.697	34.807.527.314	5.155.915.135	122.787.272	76.017.470.418
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	8.442.091.319	13.631.361.879	1.769.860.228	77.818.399	23.921.131.825
Khấu hao trong kỳ	1.031.463.585	1.811.341.736	322.867.461	14.215.541	3.179.888.323
Tại ngày 30/6/2016	9.473.554.904	15.442.703.615	2.092.727.689	92.033.940	27.101.020.148
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	27.489.149.378	21.176.165.435	3.386.054.907	44.968.873	52.096.338.593
Tại ngày 30/6/2016	26.457.685.793	19.364.823.699	3.063.187.446	30.753.332	48.916.450.270

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 72.463.636 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 30.500.000 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 44.239.174.249 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 46.891.412.496 VND).

**10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	30/6/2016		Phát sinh trong kỳ		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu</b>						
Hợp đồng số 11160128/HĐTĐ ký ngày 28/01/2011 (i)	25.021.053.491	25.021.053.491	-	3.940.000.000	28.961.053.491	28.961.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTĐ ký ngày 20/6/2013 (ii)	1.534.768.749	1.534.768.749	-	236.000.000	1.770.768.749	1.770.768.749
Các hợp đồng vay ngắn hạn khác	-	-	24.717.939.833	24.717.939.833	-	-
	<b>26.555.822.240</b>	<b>26.555.822.240</b>	<b>24.717.939.833</b>	<b>28.893.939.833</b>	<b>30.731.822.240</b>	<b>30.731.822.240</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000				8.352.000.000	
Số phải trả sau 12 tháng	18.203.822.240				22.379.822.240	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.352.000.000	8.352.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	8.352.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.851.822.240	14.027.822.240
	<u>26.555.822.240</u>	<u>30.731.822.240</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000	8.352.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>18.203.822.240</b></u>	<u><b>22.379.822.240</b></u>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	259.421.250	519.337.500
Công ty TNHH Quân Quân	175.503.923	137.999.400
Công ty Cổ phần Nam Thiên Sáng	-	161.000.699
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Việt Nhật	14.027.655	242.572.165
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực	1.118.541.703	320.490.951
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Anh	-	454.136.760
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư An Phú Vĩnh	1.351.721.250	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.701.803.811	95.029.028
	<u><b>4.621.019.592</b></u>	<u><b>1.930.566.503</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	101.743.230	74.974.800
Bảo hiểm xã hội	167.434.280	123.402.760
Bảo hiểm y tế	29.003.167	21.382.327
Bảo hiểm thất nghiệp	15.813.116	12.426.076
	<b>313.993.793</b>	<b>232.185.963</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Phát sinh trong kỳ		Thuế phải nộp
	tại 31/12/2015	tại 31/12/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	tại 30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	475.239.219	2.160.579.853	2.548.881.499	86.937.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	71.739.488	552.259.828	442.043.728	181.955.588
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.413.250	132.203.708	107.149.447	36.467.511
Thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	40.981.878	-	109.685.800	68.703.922	-
	<b>40.981.878</b>	<b>558.391.957</b>	<b>2.957.729.189</b>	<b>3.169.778.596</b>	<b>305.360.672</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>897.105.742</b>	<b>13.155.926.935</b>	<b>46.703.032.677</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8.947.250.575	8.947.250.575
Trích lập các quỹ	-	1.536.049.990	(3.401.099.980)	(1.865.049.990)
Chia cổ tức	-	-	(6.530.000.000)	(6.530.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>2.433.155.732</b>	<b>12.172.077.530</b>	<b>47.255.233.262</b>
Tăng vốn trong kỳ (i)	8.162.490.000	-	(8.162.490.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.970.338.455	4.970.338.455
Trích lập các quỹ (i)	-	1.342.087.586	(2.891.917.061)	(1.549.829.475)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>3.775.243.318</b>	<b>6.088.008.924</b>	<b>50.675.742.242</b>

- (i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>4.081.249</b>	<b>3.265.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.081.249</b>	<b>3.265.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 40.812.490.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2016		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	20.826.250.000	51,03	20.826.250.000	51,03	16.661.000.000	51,03
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.000.000.000	7,35	3.000.000.000	7,35	2.400.000.000	7,35
Cổ đông khác	16.986.240.000	41,62	16.986.240.000	41,62	13.589.000.000	41,62
	<b>40.812.490.000</b>	<b>100</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>100</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 25%. Ngày 27 tháng 6 năm 2016, Công ty đã nhận được Công văn số 3640/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

**15. DOANH THU**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán bao bì	73.214.107.550	78.509.577.950
Doanh thu bán phế liệu	80.000.000	63.829.090
	<b>73.294.107.550</b>	<b>78.573.407.040</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)</b>	<b>62.996.619.300</b>	<b>74.361.559.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của bao bì đã bán	60.348.989.141	64.837.160.707
	<b>60.348.989.141</b>	<b>64.837.160.707</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.465.797.079	54.026.310.093
Chi phí nhân công	11.760.014.212	7.250.081.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.179.888.323	3.087.711.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.344.995.465	4.894.850.738
Chi phí khác bằng tiền	660.946.941	396.083.282
	<b>66.411.642.020</b>	<b>69.655.036.397</b>

**18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.409.335.716	1.481.267.079
- Chi phí khấu hao TSCĐ	694.521.992	686.593.174
- Thuế, phí và lệ phí	57.555.948	327.256.464
- Dịch vụ mua ngoài	762.883.930	992.171.798
- Các khoản chi phí QLDN khác	710.399.139	248.404.545
	<b>4.634.696.725</b>	<b>3.735.693.060</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên bán hàng	874.422.004	465.941.280
- Chi phí khấu hao TSCĐ	132.623.292	81.813.639
- Dịch vụ mua ngoài	277.884.724	478.694.690
- Các khoản chi phí bán hàng khác	143.026.134	55.733.021
	<b>1.427.956.154</b>	<b>1.082.182.630</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.522.598.283	7.481.871.651
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.522.598.283</b>	<b>7.481.871.651</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	1.104.519.657	1.646.011.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	-	(149.637.433)
<b>Thuế phải nộp được miễn giảm 50%</b>	<b>(552.259.829)</b>	<b>(748.187.165)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>552.259.828</b>	<b>748.187.165</b>

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.970.338.455	6.733.684.486
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(994.067.691)	(1.010.052.673)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.976.270.764</b>	<b>5.723.631.813</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	4.081.249	4.081.249
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>974</b>	<b>1.402</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**

**Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Theo báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>3.265.000</b>	<b>1.753</b>
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 27 tháng 6 năm 2016	816.249	(351)
<b>Số đã điều chỉnh lại</b>	<b>4.081.249</b>	<b>1.402</b>

**21. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Theo Quyết định số 06/QĐ-PPC-HĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án Đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, có quy mô sản xuất phân bón Đạm đen từ Urea với công suất 30.000 tấn/năm. Tổng mức đầu tư của Dự án là 31.512.637.193 VND, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2016. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của Dự án là 481.760.500 VND.
- Theo Hợp đồng mua bán số 012016PPC-HY ngày 25 tháng 3 năm 2016, Công ty sẽ mua bộ máy kéo sợi PP từ nhà cung cấp Hao Yu Precision Machinery Industry Co., Ltd với tổng giá trị là 338.350 USD, dự kiến bàn giao trong quý 3 năm 2016.

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	26.555.822.240	30.731.822.240
Trừ: Tiền	10.711.573.390	6.874.069.945
Nợ thuần	15.844.248.850	23.857.752.295
Vốn chủ sở hữu	50.675.742.242	47.255.233.262
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,31</b>	<b>0,50</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	10.711.573.390	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	15.103.293.311	16.582.574.279
Phải thu khác	2.278.621.700	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.093.488.401</b>	<b>23.459.644.224</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	4.621.019.592	1.930.566.503
Chi phí phải trả	176.694.025	285.199.362
Các khoản vay	26.555.822.240	30.731.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.353.535.857</b>	<b>32.947.588.105</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Rủi ro thị trường (Tiếp theo)*

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty sẽ (giảm)/tăng 265.558.222 VND (năm 2015: 614.636.445 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016		
VND	+200	(265.558.222)
VND	-200	265.558.222
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(614.636.445)
VND	-200	614.636.445

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	10.711.573.390	-	10.711.573.390
Phải thu khách hàng	15.103.293.311	-	15.103.293.311
Phải thu khác	2.275.621.700	3.000.000	2.278.621.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.090.488.401</b>	<b>3.000.000</b>	<b>28.093.488.401</b>
Phải trả người bán	4.621.019.592	-	4.621.019.592
Chi phí phải trả	176.694.025	-	176.694.025
Các khoản vay	8.352.000.000	18.203.822.240	26.555.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.149.713.617</b>	<b>18.203.822.240</b>	<b>31.353.535.857</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>14.940.774.784</b>	<b>(18.200.822.240)</b>	<b>(3.260.047.456)</b>
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	6.874.069.945	-	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	16.582.574.279	-	16.582.574.279
Phải thu khác	-	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.456.644.224</b>	<b>3.000.000</b>	<b>23.459.644.224</b>
Phải trả người bán	1.930.566.503	-	1.930.566.503
Chi phí phải trả	285.199.362	-	285.199.362
Các khoản vay	8.352.000.000	22.379.822.240	30.731.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.567.765.865</b>	<b>22.379.822.240</b>	<b>32.947.588.105</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.888.878.359</b>	<b>(22.376.822.240)</b>	<b>(9.487.943.881)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	62.996.619.300	74.361.559.200
<b>Mua nguyên vật liệu</b>		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	20.090.025.000
<b>Dịch vụ khác</b>		
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	202.925.262	80.297.831
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	303.384.720	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	50.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>464.745.000</b>	<b>501.590.909</b>

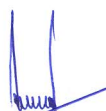
*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:*

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	12.848.911.861	16.140.949.029
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	141.431.100	-



Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 8 năm 2016



Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng



  
Lê Quốc Dũng  
Giám đốc



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +844 6288 3568  
Fax: +844 6288 5678  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

© 2016 Deloitte Việt Nam

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square  
57-69F Đồng Khởi, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)